

Dell S2418HN Dell S2418NX Sổ tay hướng dẫn sử dụng

Mẫu: S2418HN/S2418NX
Mẫu quy định: S2418Nt





LƯU Ý: LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.



CHÚ Ý: CHÚ Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.



CẢNH BÁO: CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc gây tử vong.

Bản quyền © 2017 Dell Inc. Bảo lưu mọi bản quyền. Sản phẩm này được bảo vệ bởi luật bản quyền và luật sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ và quốc tế.

Logo Dell™ và Dell là các thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các cơ quan thẩm quyền khác. Mọi nhãn hiệu và tên khác được đề cập trong tài liệu này có thể là thương hiệu của các công ty sở hữu liên quan.

Mục lục

Giới thiệu màn hình	5
Phụ kiện trọn gói.	5
Tính năng sản phẩm.	6
Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển	7
Thông số kỹ thuật màn hình	9
Cắm Vào Là Chạy	16
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD	16
Lắp đặt màn hình	17
Lắp giá đỡ	17
Kết nối màn hình.	17
Tháo giá đỡ màn hình	19
Sử dụng màn hình	20
Bật màn hình.	20
Sử dụng các nút điều khiển mặt trước.	20
Sử dụng menu màn hình ảo (OSD).	23
Khắc phục sự cố	37
Tự kiểm tra	37
Chẩn đoán tích hợp	38
Các sự cố thường gặp	39
Sự cố liên quan đến sản phẩm	40

Phụ lục. 41

- Hướng dẫn an toàn 41
- Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác 41
- Liên hệ với Dell 41
- Cài đặt màn hình. 42
- Hướng dẫn bảo dưỡng 44



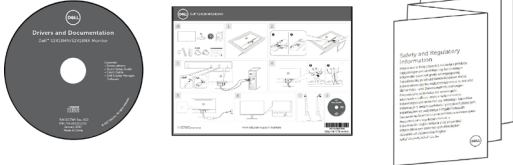
Giới thiệu màn hình

Phụ kiện trọn gói

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện và [liên hệ với Dell](#) nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào.

LƯU Ý: Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

	Màn hình
	Giá đỡ
	Bộ phận giữ cáp
	Cáp điện (khác nhau ở mỗi quốc gia)
	Adapter nguồn

	Cáp VGA (chỉ áp S2418NX)
	Cáp HDMI
	<ul style="list-style-type: none"> • Đĩa driver và tài liệu • Sổ hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn và quy định

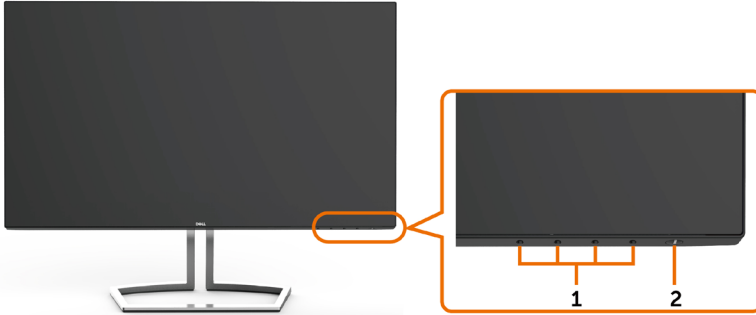
Tính năng sản phẩm

Màn hình **Dell S2418HN/S2418NX** có một màn hình tinh thể lỏng (LCD) tranzito màng mỏng (TFT) ma trận hoạt động và đèn nền LED. Các tính năng của màn hình bao gồm:

- Hiển thị vùng xem 60,47 cm (23,8 inch) (đo theo đường chéo).
- Độ phân giải 1920 x 1080 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Tỷ lệ tương phản động siêu cao (8.000.000:1).
- Có thể dùng ở góc nghiêng.
- Chân đế có thể tháo rời.
- Tính năng Cắm Là Chạy (Plug and play) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống của bạn.
- Gam màu sRGB 99%(chuẩn).
- “Dải động cao” thích ứng phù hợp với việc sử dụng màn hình.
- Hỗ trợ công nghệ AMD FreeSync™.
- Các điều chỉnh menu màn hình ảo (OSD) cho phép dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Đĩa phần mềm và tài liệu chứa file thông tin (INF), file tương thích màu sắc- hình ảnh (ICM) và tài liệu mô tả sản phẩm.
- Phần mềm quản lý màn hình Dell (có sẵn trên đĩa gửi kèm màn hình).
- Tính năng tiết kiệm năng lượng tương thích chuẩn Energy Star.
- Khe khóa an toàn.
- Có thể chuyển từ tỷ lệ khung hình rộng sang tỷ lệ khung hình chuẩn trong khi vẫn duy trì được chất lượng hình ảnh.
- Giảm sử dụng chất chống cháy brom hóa (BFR) / nhựa PVC (Bảng mạch làm từ chất liệu laminate không chứa BFR/PVC).
- Màn hình được chứng nhận TCO.
- Thủy tinh không chứa asen và màn hình không chứa thủy ngân.
- Nguồn điện chờ 0,5 W khi ở chế độ chờ.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng mà màn hình đang tiêu thụ trong thời gian thực.
- Kiểm soát độ mờ đèn nền tương tự để màn hình không nhấp nháy.

Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước



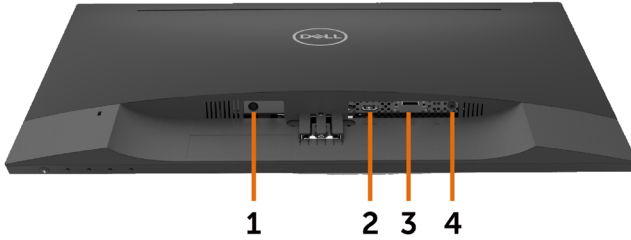
Nhãn	Mô tả
1	Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử dụng màn hình)
2	Nút bật/tắt nguồn (kèm đèn báo LED)

Mặt sau



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Khe khóa an toàn	Giữ chặt màn hình bằng khóa an toàn (bán riêng).
2	Mã vạch, số sêri và nhãn Thẻ dịch vụ	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật.
3	Bản khắc chữ	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.
4	Khe quản lý cáp	Dùng để sắp xếp các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua khe này.

Mặt dưới



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Đầu cắm nguồn DC	Kết nối adapter nguồn.
2	Cổng HDMI	Kết nối máy tính bằng cáp HDMI.
3	Cổng VGA	Kết nối máy tính bằng cáp VGA (tùy chọn).
4	Cổng đầu ra âm thanh	<p>Kết nối loa với âm thanh phát lại qua các kênh âm thanh HDMI.</p> <p>Chỉ hỗ trợ âm thanh 2 kênh.</p> <p>LƯU Ý: Cổng đầu ra âm thanh không hỗ trợ tai nghe.</p> <p>⚠ CẢNH BÁO: Áp suất âm thanh quá mức từ các ống nghe hoặc tai nghe có thể làm giảm hoặc mất thính giác.</p>

Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật màn hình phẳng

Loại màn hình	Màn hình LCD TFT ma trận chủ động
Loại bảng điều khiển	Công nghệ chuyển đổi trong mặt phẳng (IPS)
Ảnh có thể xem	
Chéo	60,47 cm (23,80 inch)
Vùng hoạt động	
Ngang	527,04 mm (20,75 inch)
Dọc	296,46 mm (11,67 inch)
Vùng	156246,28 mm ² (242,18 inch ²)
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,2745 mm x 0,2745 mm
Góc xem	
Dọc	178° (chuẩn)
Ngang	178° (chuẩn)
Đầu ra độ sáng	250 cd/m ² (chuẩn)
Tỷ lệ tương phản	1000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (độ tương phản động siêu cao đang bật)
Lớp phủ bề mặt	Xử lý chống lóa cho bộ phận cực phía trước (3H)
Đèn nền	LED
Thời gian đáp ứng	8 mili giây (bình thường), 6 mili giây (nhẹ)
Độ sâu màu	16,7M (6 Bit + FRC cao)
Gam màu	99% gam màu sRGB

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Dải quét ngang	30 kHz - 83 kHz (VGA) 30 kHz - 83 kHz (HDMI1,4) 30 kHz - 140 kHz (HDMI2,0)
Dải quét dọc	56 Hz - 76 Hz (VGA) 56 Hz - 76 Hz (HDMI1,4) 29 Hz - 75 Hz (HDMI2,0)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	1920 x 1080 ở tần số 60 Hz (VGA/HDMI1,4) 3840 x 2160 ở tần số 60 Hz (HDMI2,0)
Tính năng hiển thị video (Phát lại qua HDMI)	480p, 576p, 720p, 1080p, 2160p (HDMI2,0)



Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị	Tần số ngang (kHz)	Tần số dọc (Hz)	Đồng hồ đếm ảnh (MHz)	Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)
720 x 400	31,5	70,0	28,3	-/+
640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
800 x 600	37,9	60,0	40,0	+/+
800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
1600 x 900	60,0	60,0	108,0	-/+
1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+
1920 x 1080	83,9	75,0	174,5	+/-
3840 x 2160	67,5	30,0	297,0	+/+
3840 x 2160	135,0	60,0	594,0	+/+

Thông số kỹ thuật điện

Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"> Tín hiệu video số cho từng dòng khác biệt. Trên mỗi dòng khác biệt với trở kháng 100 ohm. Hỗ trợ đầu vào tín hiệu VGA/HDMI1,4/HDMI2,0.
------------------------	--

Adapter AC/DC (điện xoay chiều/một chiều):	
Điện áp/ tần số/dòng điện đầu vào	Delta: 100-240 VAC / 50 hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,6 A (tối đa) Chicony: 100-240 VAC / 50 hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,7 A (tối đa)
Điện áp/dòng điện đầu ra	Đầu ra: Điện một chiều 19,5 V / 3,34 A
Dòng điện khởi động	Ở mức 115V/230V, dòng điện đầu vào tối đa thấp hơn 150A (khởi động nguội)

Nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Mẫu	Cực
Dell	Delta	DA65NM111-00	
Dell	Chicony	HA65NS5-00	

Đặc tính vật lý

Loại đầu cắm	<ul style="list-style-type: none"> • Cổng HDMI • Cổng VGA • Đầu ra âm thanh 	
Loại cáp tín hiệu	Cáp VGA 1,5 M Cáp HDMI 2,0 1,8 M	
Kích thước (có giá đỡ)		
Chiều cao	412,4 mm (16,24 inch)	
Chiều rộng	539,0 mm (21,22 inch)	
Độ dày	162,2 mm (6,39 inch)	
Kích thước (không có giá đỡ)		
Chiều cao	315,2 mm (12,41 inch)	
Chiều rộng	539,0 mm (21,22 inch)	
Độ dày	43,8 mm (1,72 inch)	
Kích thước giá đỡ		
Chiều cao	173,7 mm (6,84 inch)	
Chiều rộng	264,0 mm (10,39 inch)	
Độ dày	162,2 mm (6,39 inch)	
Trọng lượng		
Không kèm bộ phận giá đỡ (xem xét giá đỡ treo tường hoặc giá đỡ VESA - không có cáp)	2,66 kg (5,86 pound)	
Bộ phận giá đỡ	0,76 kg (1,68 pound)	
	S2418HN	S2418NX
Kèm thùng đựng	6,33 kg (13,96 pound)	6,50 kg (14,33 pound)
Kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	3,83 kg (8,44 pound)	4,0 kg (8,82 pound)

Đặc tính môi trường

Nhiệt độ	
Hoạt động	0°C - 40°C (32°F - 104°F)
Không hoạt động	-20°C - 60°C (-4°F - 140°F)
Độ ẩm	
Hoạt động	10% - 80% (không ngưng tụ)
Không hoạt động	5% - 90% (không ngưng tụ)
Độ cao	
Hoạt động	5,000 m (16,404 foot) (tối đa)
Không hoạt động	12,192 m (40,000 foot) (tối đa)
Công suất tản nhiệt	95,6 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 68,3 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (quy chuẩn)

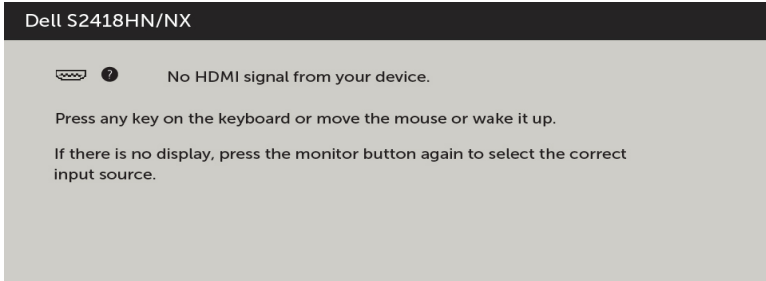
Chế độ quản lý nguồn

Nếu bạn đã cài đặt card video hay phần mềm tương thích chuẩn DPM của VESA vào PC, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện khi không sử dụng. Chức năng này gọi là Chế Độ Tiết Kiệm Điện*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự hoạt động trở lại. Bảng sau đây cho biết mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Đèn báo nguồn	Mức tiêu thụ điện
Hoạt động bình thường	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Trắng	28 W (tối đa)** 20 W (chuẩn)
Chế độ tắt hoạt động	Không hoạt động	Không hoạt động	Tắt	Trắng (nhấp nháy chậm)	Dưới 0,5 W
Tắt	-	-	-	Tắt	Dưới 0,3 W

Energy Star	Mức tiêu thụ điện
P _{ON}	14,32 W ***
E _{TEC}	45,1 kWh ****

Menu OSD chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ở chế độ tắt hoạt động, một thông báo sau đây sẽ hiển thị:



* Chỉ có thể đạt mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ OFF (TẮT) khi rút adapter nguồn ra khỏi màn hình.

**Mức tiêu thụ điện tối đa với độ sáng tối đa.

***Mức tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

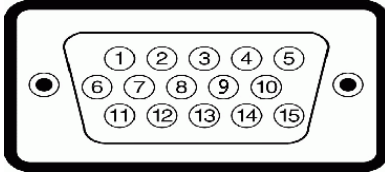
****Tổng mức tiêu thụ năng lượng bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.

Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập menu OSD.

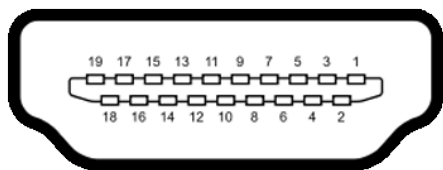
Cách gán châu cắm

Đầu cắm VGA



Số châu cắm	Mặt 15 châu của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	GND (Tiếp đất)
5	Tự kiểm tra
6	GND-Đỏ
7	GND-Xanh lục
8	GND-Xanh lam
9	Máy tính 5 V / 3,3 V
10	GND-đồng bộ
11	GND (Tiếp đất)
12	Dữ liệu DDC
13	Đồng bộ ngang
14	Đồng bộ dọc
15	Đồng hồ DDC

Đầu cắm HDMI



Số chấu cắm	Mặt 19 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	MÀNG CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dành riêng (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	Tiếp đất DDC/CEC
18	NGUỒN +5 V
19	PHÁT HIỆN CẢM NÓNG

Cắm Vào Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình ở bất kỳ hệ thống nào tương thích chuẩn Plug-and-Play (Cắm Vào Là Chạy). Màn hình sẽ tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Hiển Thị Dữ Liệu (DDC) để máy tính có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động; bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).




Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình LCD, vào trang Hỗ trợ của Dell tại:

<http://www.dell.com/support/monitors>.

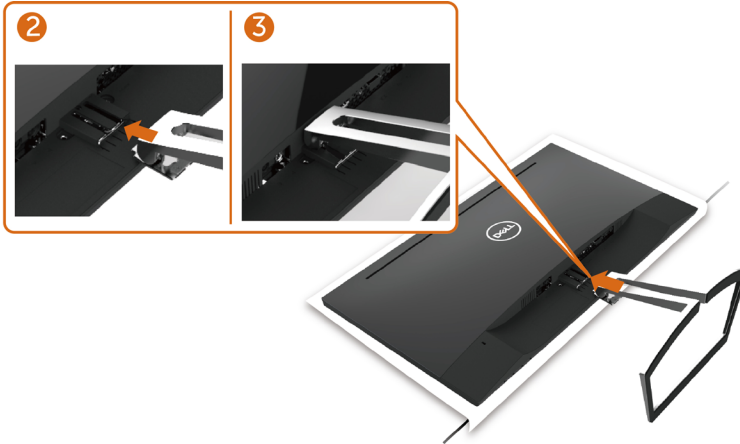
Lắp đặt màn hình

Lắp giá đỡ


-  **LƯU Ý:** Giá đỡ và đế giữ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Quy trình dưới đây áp dụng cho giá đỡ mặc định. Nếu bạn đã mua bất kỳ giá đỡ nào khác, hãy tham khảo tài liệu kèm theo giá đỡ đó để biết cách lắp đặt.
-  **CHÚ Ý:** Đặt màn hình trên bề mặt phẳng, sạch và mềm để tránh trầy xước màn hình.

Để lắp giá đỡ màn hình:

- 1 Tháo nắp lớp màn hình ra và đặt úp màn hình xuống.
- 2 Căn chỉnh khung giá đỡ với đường rãnh trên màn hình.
- 3 Chèn khung giá đỡ vào đường rãnh trên màn hình cho đến khi khít vào đúng vị trí.



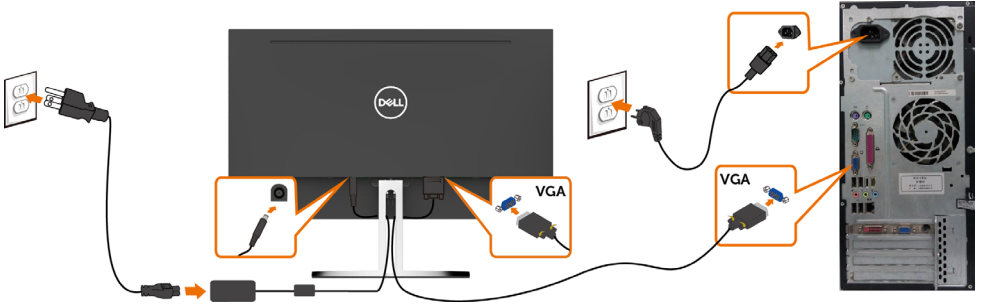
Kết nối màn hình

-  **CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

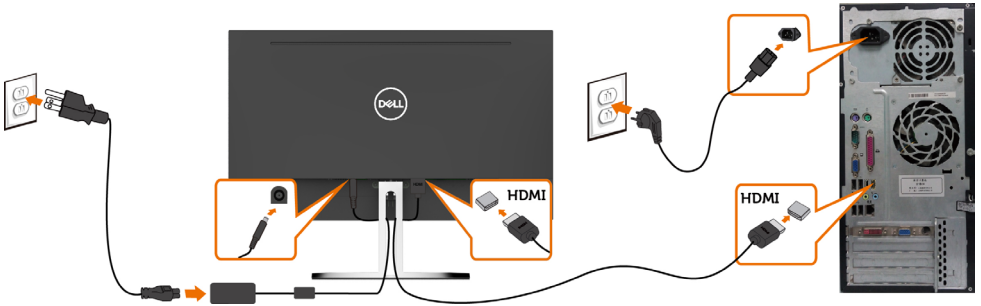
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

- 1 Tắt máy tính.
- 2 Cắm cáp VGA(tùy chọn)/HDMI từ màn hình vào máy tính.
- 3 Bật màn hình.
- 4 Chọn nguồn đầu vào thích hợp trong Menu OSD của màn hình trên máy tính.

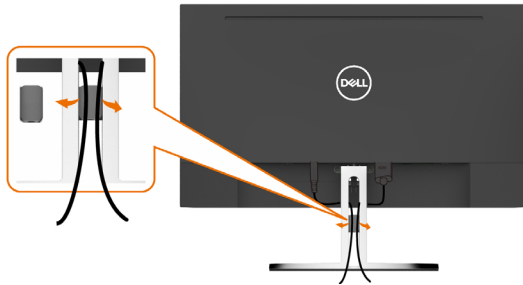
Kết nối cáp VGA (tùy chọn)



Kết nối cáp HDMI



Lắp đặt bộ phận giữ cáp



Bố trí cáp



Sau khi kết nối tất cả các loại cáp cần thiết với màn hình và máy tính, (xem [Kết nối màn hình](#) cho phụ kiện cáp), hãy sắp xếp tất cả loại cáp như trình bày ở trên.

Tháo giá đỡ màn hình



CHÚ Ý: Để tránh màn hình LCD bị trầy xước khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch.



LƯU Ý: Quy trình dưới đây áp dụng cho giá đỡ mặc định. Nếu bạn đã mua bất kỳ giá đỡ nào khác, hãy tham khảo tài liệu kèm theo giá đỡ đó để biết cách lắp đặt.


Để tháo giá đỡ:

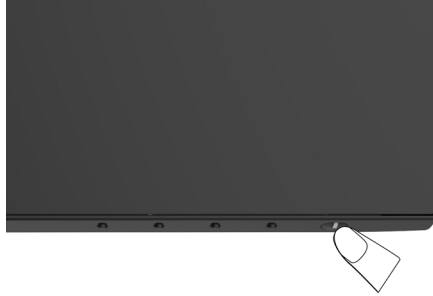
- 1 Đặt màn hình lên một tấm nệm hoặc tấm thảm dày gần mép bàn.
- 2 Nghiêng giá đỡ hướng xuống để chạm tới chốt nhả.
- 3 Dùng tua vít dài và mỏng để đẩy chốt nhả.
- 4 Trông khi ấn chốt nhả, hãy đẩy giá đỡ theo hướng mũi tên để tháo giá đỡ.



Sử dụng màn hình

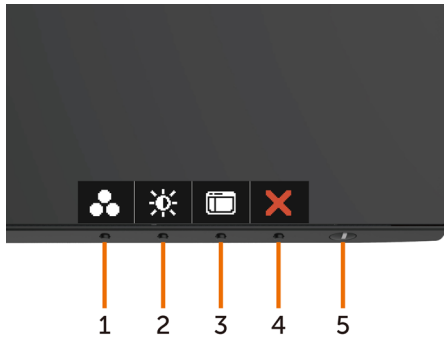
Bật màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








Sử dụng các nút điều khiển mặt trước

Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để điều chỉnh đặc điểm của hình đang hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh, menu OSD sẽ hiển thị trị số của những đặc điểm này khi thay đổi.

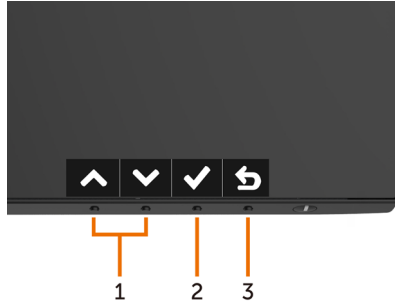






Bảng sau mô tả các nút ở mặt trước:

Nút-mặt trước	Mô tả
1  Nút tắt: Chế độ cài sẵn	Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.
2  Nút tắt: Độ sáng/Độ tương phản	Dùng nút này để truy cập trực tiếp menu “Độ sáng/Độ tương phản”.
3  Menu	Dùng nút menu này để bật màn hình ảo (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập hệ thống menu .
4  Thoát	Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD.
5  Nguồn (với đèn báo nguồn)	Dùng nút Nguồn để bật/tắt màn hình. Đèn LED trắng cho biết màn hình đang bật và hoạt động đầy đủ. Đèn LED trắng sáng chỉ Chế độ tiết kiệm điện DPMS.

Nút-mặt trước

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.




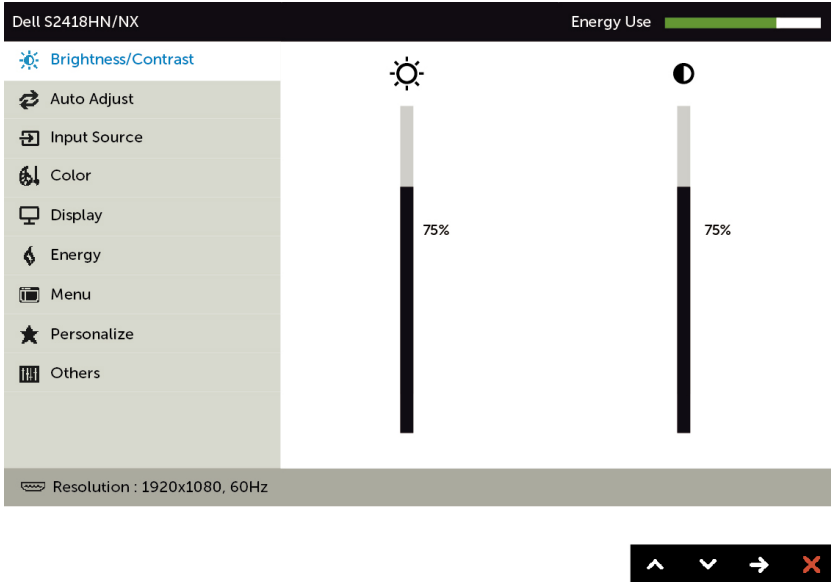
Nút mặt trước	Mô tả
1   Lên Xuống	Dùng các nút Lên (tăng) và Xuống (giảm) để chỉnh các mục trong menu OSD.
2  OK	Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
3  Trở về	Dùng nút Trở về để trở về menu trước.













Sử dụng menu màn hình ảo (OSD)

Truy cập hệ thống menu

LƯU Ý: Mọi thay đổi mà bạn thực hiện qua menu OSD sẽ được lưu lại tự động nếu bạn chuyển sang menu OSD khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD biến mất.

- 1 Nhấn nút  để bật menu OSD và hiển thị menu chính.

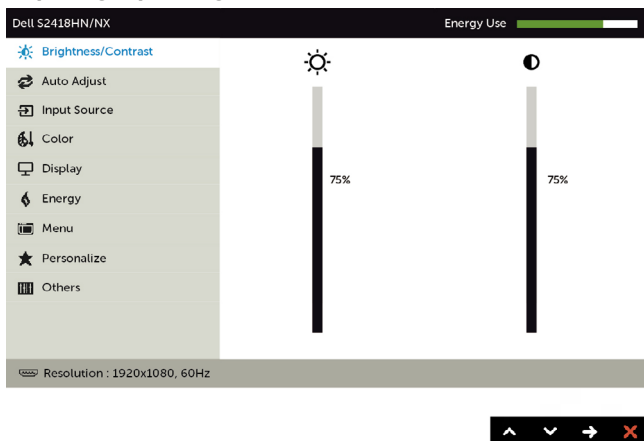


- 2 Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
- 3 Nhấn nút  hoặc  hoặc  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa bôi đậm.
- 4 Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
- 5 Nhấn  để vào thanh trượt rồi sử dụng nút  hoặc  theo các chỉ báo trên menu để thực hiện thay đổi.
- 6 Chọn  để trở về menu trước hoặc  để chấp nhận và trở về menu trước.




Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)


Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**.



Brightness (Độ sáng)

Brightness (Độ sáng) giúp chỉnh độ sáng của đèn nền (tối thiểu 0; tối đa 100).



Nhấn nút  để tăng độ sáng.

Nhấn nút  để giảm độ sáng.

LƯU Ý: Tùy chọn Chỉnh thủ công **Brightness (Độ sáng)** sẽ tắt khi bật **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)**.

Contrast (Độ tương phản)

Chỉnh **Brightness (Độ sáng)** trước rồi chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần chỉnh thêm.

Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (0 ~ 100).

Độ tương phản giúp điều chỉnh sự khác biệt giữa bóng tối và ánh sáng trên màn hình.

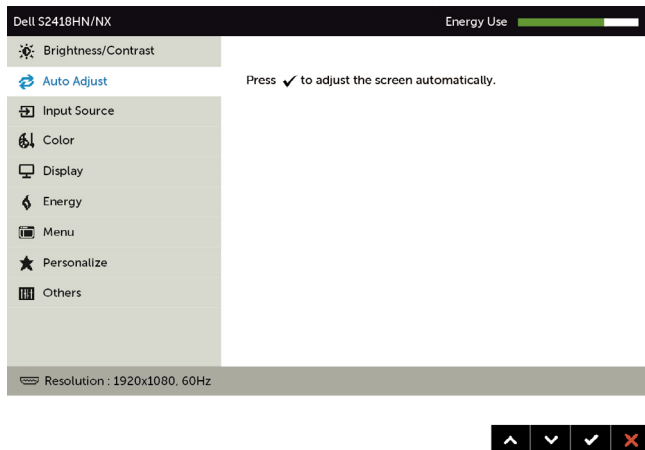
Biểu tượng	Menu và menu phụ	Mô tả
------------	------------------	-------



Auto Adjust (Chỉnh tự động)

Dù máy tính của bạn nhận dạng màn hình khi khởi động, chức năng **Auto Adjust (Chỉnh tự động)** sẽ giúp tối ưu hóa cài đặt màn hình để sử dụng với cài đặt riêng của bạn.

Auto Adjust (Chỉnh tự động) cho phép màn hình tự chỉnh sang tín hiệu video đầu vào. Sau khi sử dụng tùy chọn **Auto Adjust (Chỉnh tự động)**, bạn có thể tinh chỉnh thêm màn hình bằng cách sử dụng các nút điều khiển **Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh)** (Thô) và **Phase (Pha)** (Mịn) trong menu **Display (Hiển thị)**.



Hộp thoại sau sẽ hiển thị trên màn hình đen khi màn hình tự chỉnh sang đầu vào hiện hành:

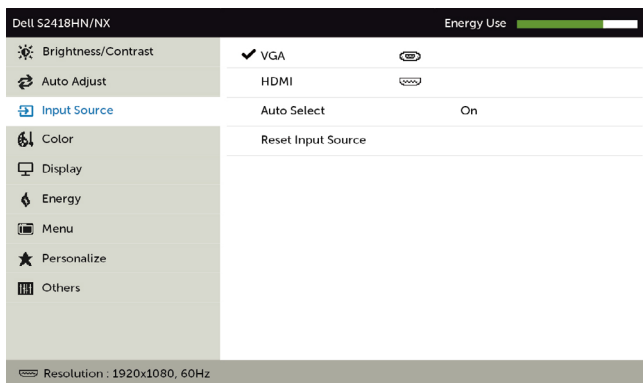


LƯU Ý: Trong hầu hết các trường hợp, **Auto Adjust (Chỉnh tự động)** sẽ tạo ra hình ảnh đẹp nhất cho cấu hình của bạn.



Input Source (Nguồn vào)

Dùng menu **Input Source (Nguồn vào)** để chọn giữa các đầu vào video khác nhau có thể được kết nối với màn hình.



VGA

Chọn đầu vào **VGA** khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự.

Dùng để chọn nguồn vào VGA.

HDMI

Chọn đầu vào **HDMI** khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI.

Dùng để chọn nguồn vào HDMI.

Auto Select (Chọn tự động)

Sử dụng để chọn Tự động Lựa chọn, màn hình sẽ quét các nguồn đầu vào sẵn có.

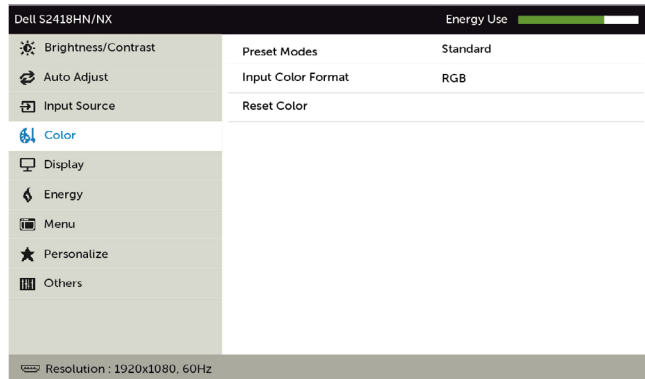
Reset Input Source (Thiết lập lại Nguồn vào)

Thiết lập lại các **Nguồn vào** của màn hình về giá trị mặc định gốc.



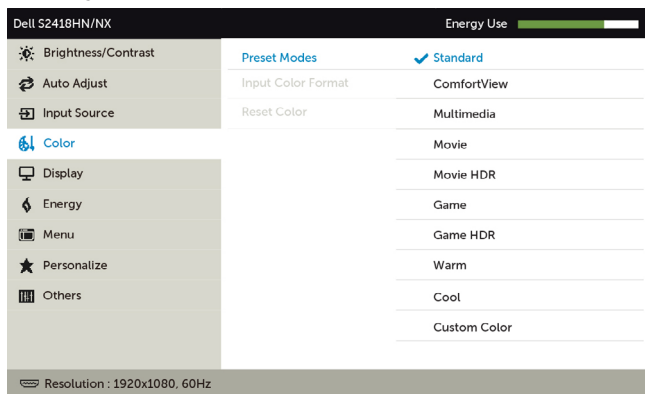
Color (Màu sắc)

Dùng menu **Color (Màu sắc)** để chỉnh chế độ cài đặt màu sắc.





Preset Mode (Chế độ cài sẵn)

Khi bạn chọn các Chế độ đặt sẵn, bạn có thể chọn **Tiêu chuẩn, ComfortView (Xem thoải mái), Đa phương tiện, Phim, Phim HDR, Trò chơi, Trò chơi HDR, Nóng, Lạnh** hoặc **Màu tùy chỉnh** từ danh sách.



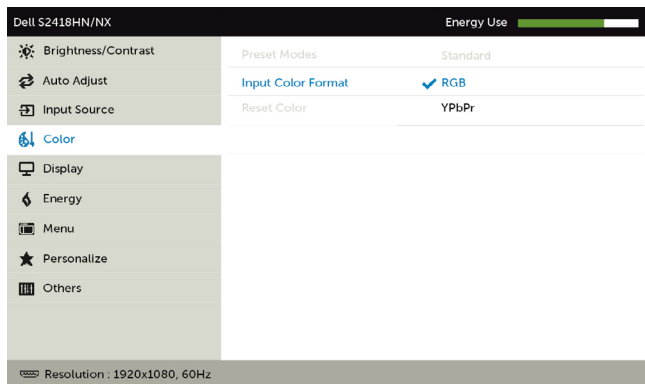
- **Standard (Chuẩn):** Cài đặt màu mặc định. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **ComfortView (Xem thoải mái):** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để giúp mắt của bạn xem thoải mái hơn.
- **Multimedia (Đa phương tiện):** Lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Phim:** Tải thiết đặt màu lý tưởng cho phim.
- ***Phim HDR:** Tải thiết đặt màu lý tưởng cho phim có hỗ trợ HDR.

- **Trò chơi:** Tải thiết đặt màu lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi trò chơi.
 - ***#Trò chơi HDR:** Tải thiết đặt màu lý tưởng cho các trò chơi có hỗ trợ HDR.
 - **Warm (Nóng):** Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
 - **Cool (Nguội):** Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị mát hơn với sắc xanh lam.
 - **Custom Color (Màu tùy chỉnh):** Cho phép bạn tự chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Nhấn nút  và  để chỉnh các giá trị Red (Đỏ), Green (Lục) và Blue (Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng của bạn.
- *HDR:** "Dải động cao" thích ứng phù hợp với việc sử dụng màn hình.
- #Trò chơi HDR:** Không tương thích với AMD FreeSync™.

Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:

- **RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu phát DVD) bằng cáp HDMI.
- **YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu đầu phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.



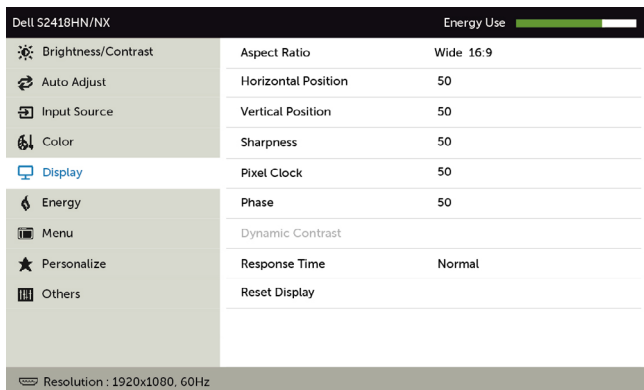
Reset Color (Thiết lập lại cài đặt màu sắc)

Thiết lập lại các cài đặt màu sắc của màn hình về giá trị mặc định gốc.

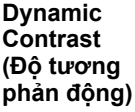

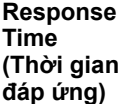
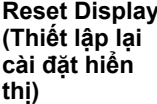


Display (Hiện thị)

Dùng menu **Display (Hiện thị)** để chỉnh hình ảnh.

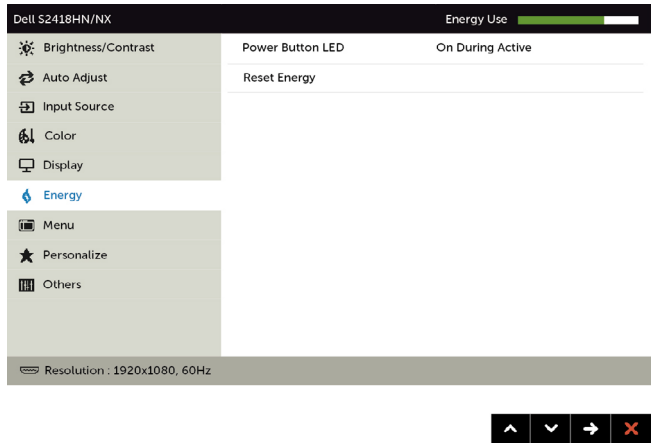


Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	Chỉnh tỷ lệ hình sang Rộng 16:9 , 4:3 hoặc 5:4 .
Horizontal Position (Vị trí ngang)	Dùng nút hoặc để chỉnh hình ảnh sang trái hoặc phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
Vertical Position (Vị trí dọc)	Dùng nút hoặc để chỉnh hình ảnh lên hoặc xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+). LƯU Ý: Các điều chỉnh Horizontal Position (Vị trí ngang) và Vertical Position (Vị trí dọc) chỉ có sẵn cho đầu vào "VGA".
Sharpness (Độ sắc nét)	Giúp hình ảnh thêm sắc nét hoặc mềm mại. Dùng hoặc để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.
Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh)	Các điều chỉnh Phase (Pha) và Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) cho phép bạn chỉnh màn hình theo lựa chọn ưu tiên. Dùng nút hoặc để chỉnh chất lượng hình ảnh tối ưu nhất.
Phase (Pha)	Nếu chưa đạt được kết quả mong muốn qua điều chỉnh Phase (Pha) , hãy sử dụng điều chỉnh Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) (thô) và sau đó sử dụng lại Phase (Pha) (mịn).

Biểu tượng	Menu và menu phụ	Mô tả
	Dynamic Contrast (Độ tương phản động)	Cho phép bạn tăng độ tương phản để mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn. Nhấn nút  để chuyển Dynamic Contrast (Độ tương phản động) sang “On” (Bật) hoặc “Off” (Tắt). LƯU Ý: Chỉ dành cho chế độ cài đặt trước Trò Chơi và Phim. LƯU Ý: Dynamic Contrast (Độ tương phản động) cung cấp độ phân giải cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài sẵn Game (Trò chơi) hoặc Movie (Phim) .
	Response Time (Thời gian đáp ứng)	Cho phép bạn cài Response Time (Thời gian đáp ứng) sang Normal (Thường) hoặc Fast (Nhanh) .
	Reset Display (Thiết lập lại cài đặt hiển thị)	Phục hồi cài đặt màn hình về các giá trị mặc định gốc.



Energy (Năng lượng)



Power Button LED (Đèn LED nguồn)

Cho phép bạn cài trạng thái đèn nguồn để tiết kiệm năng lượng.

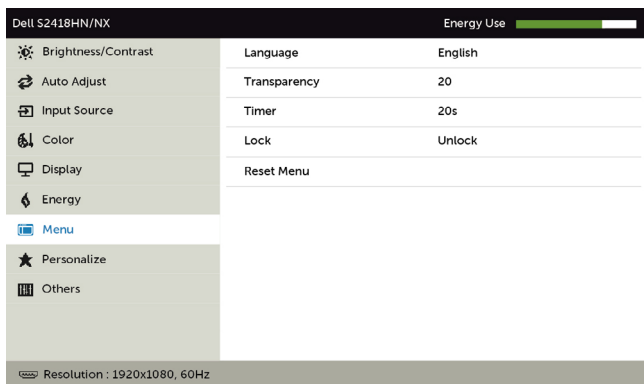
Reset Energy (Thiết lập lại cài đặt nguồn điện)

Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt **Energy (Năng lượng)** mặc định.



Menu

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...



Language (Ngôn ngữ)

Cài menu hiển thị OSD sang một trong 8 ngôn ngữ. (Tiếng Anh, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Bồ Đào Nha Brazil, Tiếng Nga, Tiếng Hoa Giản Thể hoặc Tiếng Nhật).

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt của menu bằng cách dùng và (tối thiểu 0/tối đa 100).

Timer (Hẹn giờ)

OSD Hold Time (Giờ giữ menu OSD): Cài thời lượng mà menu OSD tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút. Dùng nút và để chỉnh thanh trượt tăng thêm 1 giây từ 5 đến 60 giây.

Lock (Khóa)

Kiểm soát truy cập người dùng vào các điều chỉnh. Khi đã chọn **Lock (Khóa)**, bạn không được phép thực hiện các điều chỉnh người dùng. Tất cả các nút đều bị khóa.

LƯU Ý:

Chức năng **Lock (Khóa)** – khóa mềm (qua menu OSD) hay khóa cứng (Nhấn và giữ nút Thoát trong 6 giây)
Chức năng **Unlock (Mở khóa)**– Chỉ mở khóa cứng (Nhấn và giữ nút Thoát trong 6 giây)

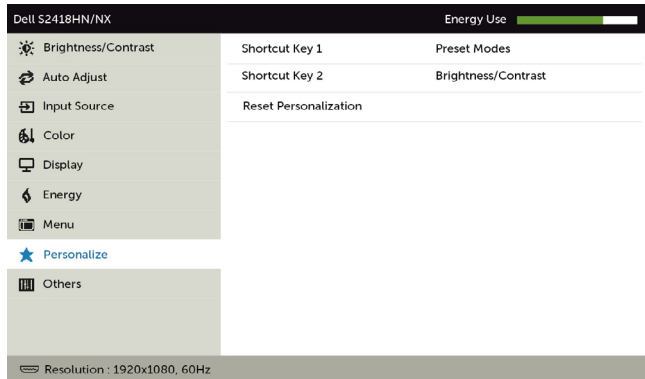
Reset Menu (Thiết lập lại cài đặt menu)

Phục hồi các cài đặt menu về giá trị mặc định gốc.



Personalize (Cá nhân hóa)

Chọn từ **Chế độ cài sẵn, Độ sáng/Độ tương phản, Chính tự động, Nguồn vào** hoặc **Tỷ lệ khung hình** và cài làm phím tắt.

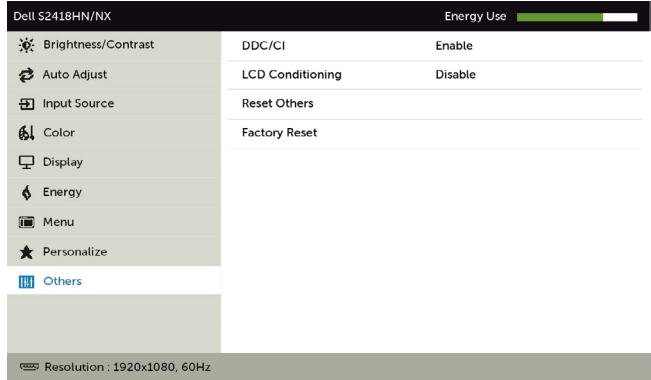


Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)

Phục hồi nút tắt về các giá trị mặc định.



Other (Khác)



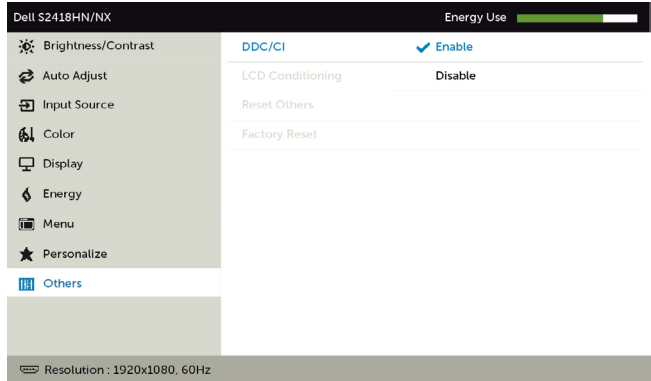
Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt OSD như **DDC/CI**, **LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD)**, v.v...

DDC/CI

DDC/CI (Kênh hiển thị dữ liệu/Giao diện lệnh) cho phép bạn chỉnh cài đặt màn hình bằng phần mềm trên máy tính.

Chọn **Disable (Tắt)** để tắt chức năng này.

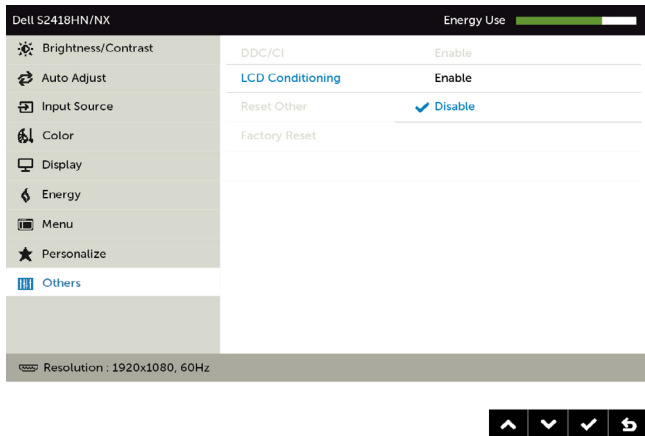
Bật chức năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



Biểu tượng	Menu và menu phụ	Mô tả
------------	------------------	-------

LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)

Giúp giảm bớt các trường hợp giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ giữ ảnh, chương trình có thể cần thời gian để khởi động. Chọn **Enable (Bật)** để khởi động tiến trình.




Reset Other (Thiết lập lại cài đặt khác)

Phục hồi các cài đặt khác như **DDC/CI** về giá trị mặc định gốc.

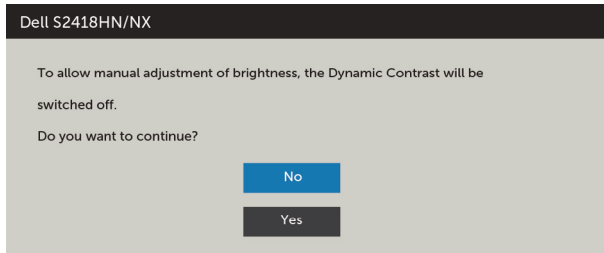
Factory Reset (Cài về mặc định gốc)

Phục hồi mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.

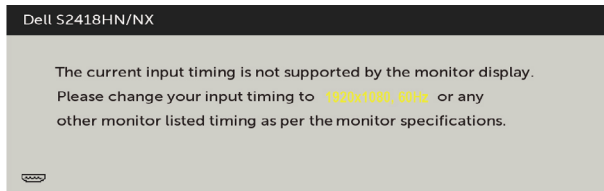
 **LƯU Ý:** Màn hình này tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.

Thông tin cảnh báo OSD

Khi đã bật tính năng **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** (trong các chế độ cài sẵn: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**), tính năng chỉnh độ sáng thủ công sẽ bị tắt.

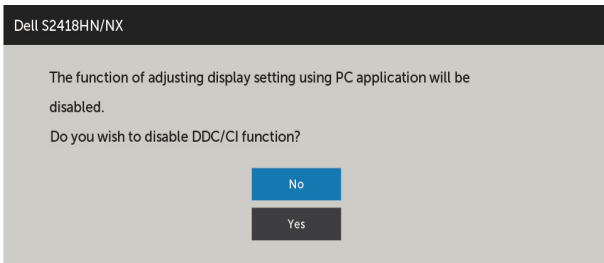


Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải cụ thể, bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau:

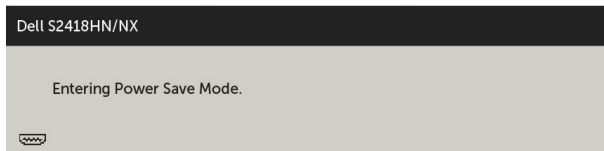


Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết biên độ tần số Ngang và Dọc mà màn hình này hỗ trợ truyền phát. Chế độ khuyến dùng là 1920 x 1080.

Bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau đây trước khi tắt chức năng DDC/CI:

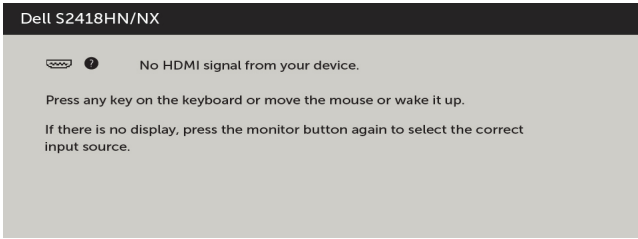


Khi màn hình vào chế độ **Power Save (Tiết kiệm điện)**, thông báo sau đây sẽ hiển thị:

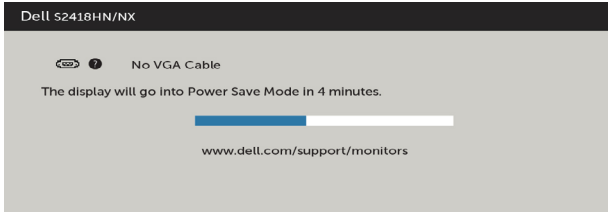


Kích hoạt máy tính và khởi động lại màn hình để truy cập menu [OSD](#).

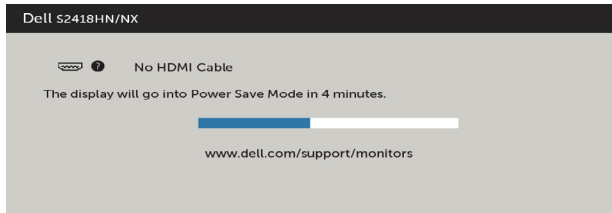
Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào trừ nút nguồn thì một trong các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy lựa chọn đầu vào:



Nếu đã chọn đầu vào VGA hoặc HDMI và chưa kết nối cáp tương ứng, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị.



hoặc



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Khắc phục sự cố

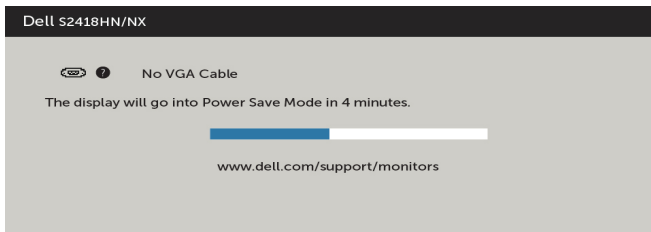
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ **Hướng dẫn an toàn**.

Tự kiểm tra

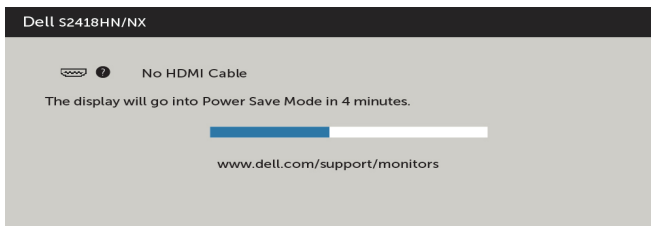
Màn hình cung cấp chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động đúng cách hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

- 1 Tắt máy tính lẫn màn hình.
- 2 Rút cáp video ra khỏi mặt sau máy tính. Để đảm bảo sử dụng thao tác Tự kiểm tra đúng cách, hãy rút tất cả các cáp kỹ thuật số và tương tự ra khỏi mặt sau máy tính.
- 3 Bật màn hình.

Hộp thoại di động sẽ hiển thị trên màn hình (trên phông nền đen) nếu màn hình không thể nhận tín hiệu video nhưng vẫn hoạt động đúng cách. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy theo đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại liệt kê dưới đây sẽ liên tục cuộn qua màn hình.



hoặc



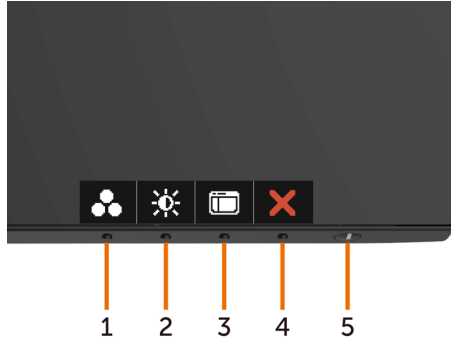
- 4 Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi thao tác hệ thống bình thường nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
- 5 Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật máy tính lẫn màn hình.

Nếu màn hình vẫn trống sau khi áp dụng quy trình trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng cách.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem hoạt động bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có của màn hình hay của máy tính và card video.

LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

- 1 Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi bám trên bề mặt).
- 2 Rút (các) cáp video ra khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
- 3 Nhấn và giữ **Nút 1** trong 5 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
- 4 Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
- 5 Nhấn lại **Nút 1** ở mặt trước. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
- 6 Kiểm tra màn hình để phát hiện mọi bất thường.
- 7 Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong các màn hình văn bản lục, lam, đen và trắng.

Quy trình kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại **Nút 1**. Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.

Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng chung	Sự cố gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có video/ Đèn LED nguồn tắt	Không có hình	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo nút nguồn được ấn xuống hết.• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp trong menu Nguồn đầu vào.
Không có video/ Đèn LED nguồn bật	Không có hình hoặc không sáng	<ul style="list-style-type: none">• Tăng mức chỉnh độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp trong menu Nguồn đầu vào.
Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có các chấm	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vào trang Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors.
Điểm ảnh bị dính	Màn hình LCD có các chấm sáng	<ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vào trang Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors.
Sự cố độ sáng	Hình quá mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none">• Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định.• Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.
Sự cố liên quan đến an toàn	Các dấu hiệu khói hay tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none">• Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào.• Liên hệ ngay với Dell.
Sự cố gián đoạn	Giám sát hồng học bật & tắt	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.
Thiếu màu sắc	Hình ảnh thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none">• Thực hiện thao tác tự kiểm tra màn hình.• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.

Triệu chứng chung	Sự cố gặp phải	Giải pháp khả thi
Màu sắc không đúng	Màu sắc hình ảnh không đẹp	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi các cài đặt của Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD Color (Màu sắc) tùy vào ứng dụng. • Chỉnh giá trị R/G/B trong Custom (Tùy chỉnh). Color (Màu sắc) trong menu OSD Color (Màu sắc). • Đổi Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang PC RGB hoặc YPbPr trong menu OSD Color (Màu sắc). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị sẽ xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng tính năng Quản lý nguồn để tắt màn hình bất cứ lúc nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý nguồn). • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.

Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Sự cố gặp phải	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	Ảnh được canh giữa màn hình nhưng không hiển thị trên toàn bộ vùng xem	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trong menu OSD Display (Hiển thị). • Thiết lập màn hình về cài đặt mặc định.
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt trước	Menu OSD không hiển thị trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Tắt màn hình, rút cáp nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình. • Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, hãy nhấn giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 6 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem Khóa).
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	Không có hình, đèn LED màu trắng	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím. • Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng cách hay không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần thiết. • Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	Ảnh không lấp đầy chiều cao hay trải rộng trên toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.

Phụ lục

Hướng dẫn an toàn

Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, các điều chỉnh hoặc quy trình khác ngoài các hướng dẫn nêu trong tài liệu này có thể dẫn đến giật điện, các nguy cơ về điện và/hoặc nguy hiểm về máy móc.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem Thông tin An toàn, Môi trường và Quy định (SERI).

Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin quy định khác

Để biết các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy vào trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

📄 LƯU Ý: Nếu không có bất kỳ kết nối internet nào đang hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu giao hàng, tờ rơi quảng cáo hoặc catalog sản phẩm Dell.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ sẽ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

Để tải nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

Vào trang web www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về các vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

- 1 Truy cập www.dell.com/support.
- 2 Xác minh quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu Choose A Country/Region (Chọn một quốc gia/khu vực) sổ xuống ở góc trái phía trên trang web.
- 3 Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** gần mục quốc gia sổ xuống.
- 4 Chọn liên kết dịch vụ hoặc hỗ trợ thích hợp tùy theo nhu cầu của bạn.
- 5 Chọn cách thức liên hệ với Dell thuận tiện cho bạn.

Cài đặt màn hình



LƯU Ý: Có thể hỗ trợ độ phân giải đầu vào tối đa là **3840 x 2160** khi bạn chọn phim HDR hoặc trò chơi HDR theo chức năng Màu sắc trên OSD (hiển thị trên màn hình).

Cài độ phân giải màn hình sang 1920 x 1080

Để đạt hiệu suất tối ưu, cài độ phân giải màn hình sang 1920 x 1080 pixel bằng cách thực hiện các bước sau:

Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

- 1 Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
- 3 Nhấp vào danh sách Độ phân giải màn hình sổ xuống và chọn 1920 x 1080.
- 4 Nhấp **OK**.

Trong Windows 10:

- 1 Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings**.
- 3 Nhấp vào danh sách Độ phân giải thả xuống và chọn 1920 x 1080.
- 4 Nhấp vào **Apply**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải khuyến dùng như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và thực hiện theo các hướng dẫn có sẵn.

Máy tính Dell

- 1 Truy cập www.dell.com/support, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
- 2 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1920 x 1080.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 1920 x 1080, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa có hỗ trợ các độ phân giải này.

Máy tính không phải của Dell

Trong Windows Vista, Windows 7, Windows 8 hoặc Windows 8.1:

- 1 Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Personalization (Cá nhân hóa)**.
- 3 Nhấp **Change Display Settings (Đổi cài đặt màn hình)**.
- 4 Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
- 5 Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
- 6 Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.ATI.com> hoặc <http://www.NVIDIA.com>).
- 7 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **1920 x 1080**.

Trong Windows 10:

- 1 Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Display settings**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings**.
- 3 Nhấp vào **Display adapter properties**.
- 4 Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
- 5 Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.ATI.com> hoặc <http://www.NVIDIA.com>).
- 6 Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải khuyến dùng, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình



CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình khỏi ổ cắm điện.



CHÚ Ý: Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để thực hành tốt nhất, hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hoặc cầm nắm màn hình:

- Để vệ sinh màn hình khử tĩnh điện, thấm ướt sơ khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình đặc biệt chuyên dùng cho lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, dung dịch tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn mềm hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.